

Bấy giờ Đế Thích ở tầng trời thứ hai hiện ra đọc bài tụng:

*Ấm, hành đều vô thường,
Chỉ là pháp hưng, suy;
Có sanh thì có tử,
Phật diệt độ, an lạc.*

Vị Phạm thiên nơi cõi trời thứ bảy hiện ra đọc bài tụng:

*Tuyệt thay, Phật đã bỏ,
Điều thế gian mê đắm;
Rộng dạy pháp thanh tịnh,
Ba cõi không ai bằng.
Thần lực diệu, Vô úy,
Ánh sáng mát từ nay.*

Hiền giả A-na-luật đọc bài tụng:

*Phật đã trụ Vô-vi,
Hơi ra vào đã dứt;
Vốn từ tự nhiên đến,
Nay trở về Linh diệu.
Ý tịnh, không tham đắm,
Vì người, chịu thân bệnh;
Giáo hóa đã hoàn tất,
Mới trở về Tịch diệt.
Từ khi được gặp Phật,
Ai cũng đội ơn sâu;
Nay vào cõi thanh hư,
Biết lúc lại xuất hiện.*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đều rối loạn, bồi hồi, than thở: ‘Đức Phật Bát-nê-hoàn, sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất, sao mà nhanh quá!’ Trong số ấy có người buồn bã than khóc, tự nghĩ đến cái khổ của thế gian không đạt được đạo. Có người nhìn vào thi thể Đức Phật chú tâm tư duy về hữu là từ nhân duyên sanh, tạo tác không ngừng, phải chịu sự vô thường, khổ, đã sanh thì phải tử, tử rồi lại sanh, sanh tử qua lại, nhưng tinh thần bất diệt, không bị chi phối. Hiền giả A-na-luật nói:

“Thôi đi, thôi đi! Này A-nan! Hãy bảo cho các Tỳ-kheo biết, chư Thiên trên trời thấy việc đó sẽ cho là mê mờ. Vì có ai xuất gia nhập

vào luật giải thoát mà lại không thể dùng pháp lợi để tự giải thoát?”

Hiền giả A-nan gạt nước mắt thưa:

“Ở trên đó có bao nhiêu vị trời?”

“Từ Uy-da-việt¹ cho đến miếu Âu-đồ² và sông Hi-liên³, khoảng cách bốn trăm tám mươi dặm, chư Thiên hiện ra đầy khắp, chẳng có khoảng hư không nào là chẳng có họ đang bồi hồi, rối loạn, cùng nói: ‘Đức Phật Bát-nê-hoàn sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất, sao mà nhanh quá!’ Trong đó có người lo lắng than thở, thương nỗi khổ của thế gian bị tham dục che lấp, không thấy được chánh đạo. Hoặc họ cùng bảo nhau rằng: Đức Phật dạy: ‘Sanh tử vốn từ duyên khởi, ý luôn tạo tác, thọ nhận sự vô thường, khổ, đã sanh thì phải tử, tử rồi lại sanh, thức theo hành mà di chuyển, đâu biết được Nê-hoàn? Đức Phật đã độ thoát thế gian, vậy mọi người phải nên tinh tấn, đã quá nửa đêm rồi!’”

Hiền giả A-na-luật bảo Hiền giả A-nan:

“Hãy vào trong thành báo cho mọi người biết là Đức Phật đã diệt độ, ai muốn khâm liệm, hãy nên kịp thời.”

Hiền giả A-nan liền vào trong thành, báo cho mọi người biết. Các Hoa thị nghe được điều ấy, ai cũng kinh ngạc, buồn bã thương tiếc, nói:

“Đức Phật Bát-nê-hoàn sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất, sao mà nhanh quá!”

Người trong thành cùng nhau tụ hội, mang hương hoa đến chỗ nhục thân của Phật, cúi đầu đánh lễ để thừa sự cúng dường. Họ cùng hỏi Hiền giả A-nan:

“Phương pháp khâm liệm an táng Đức Thế Tôn như thế nào?”

Như lời Đức Phật dạy:

“Phải làm như phương pháp khâm liệm và an táng của Chuyển luân vương, đối với Đức Phật còn phải hơn thế nữa.”

Các hào tánh thưa:

“Xin hãy để trong bảy ngày, chúng con muốn dâng cúng kỹ nhạc, hoa hương, đèn đuốc để tâm ý được khai mở.”

Hiền giả A-nan đáp:

1. Uy-da-việt 威耶越. Có lẽ Pāli: Upavattana, tên khu rừng Sāla ở Kusinārā.

2. Âu-đồ miếu 漚荼廟; tức chùa Thiên quan, tham chiếu No.1(2), xem cht.156.

3. Hi-liên hà 熙連河; tham chiếu Trường 2(3) sđd.: xem cht.155.

“Tùy ý các vị mong muốn.”

Các Hoa thị liền chung sức lại để lo liệu. Nào làm bình bằng vàng, linh xa bằng vàng, kim quan bằng vàng, quách bằng sắt, đầy đủ gấm mới kiếp-ba, năm trăm xấp dạ.

Bấy giờ, dân chúng ở bốn phương, chu vi trong khoảng bốn trăm tám mươi dặm, đều mang kỹ nhạc, hoa hương đi đến song thọ, đồng khiêng nhục thân Đức Phật đặt lên trên giường bằng vàng, rồi dùng kỹ nhạc, lễ bái cúng dường.

Bấy giờ, các Hoa thị tuyển chọn các đồng nam để lo việc gìn giữ linh xa. Họ muốn đưa linh cữu đến khoảnh đất Âu-đồ để trà-tỳ. Nhưng các đồng nam không thể đến gần phía trước linh xa của Đức Phật được, họ lại tiến lên đến hai ba lần, nhưng vẫn không thể tới được.”

Hiền giả A-na-luật nói với Hiền giả A-nan:

“Sở dĩ không thể đến gần linh xa của Đức Phật, vì đó là ý của chư Thiên. Họ muốn bảo các đồng nam của Hoa thị hãy vịn vào phía bên trái, còn chư Thiên ở phía bên phải, dân trong nước thì đi theo sau, đồng khiêng kim sàng của Đức Phật vào cửa thành phía Đông, lúc đi qua trong thành, tấu nhạc trời lên để cúng dường, xong thì đi ra cửa thành phía Tây, đặt trên đất Âu-đồ, chắt các thứ gỗ hương nhiều lớp rồi trà-tỳ.”

Hiền giả A-nan thưa:

“Xin vâng, kính vâng như ý nguyện của chư Thiên.”

Rồi Hiền giả bảo cho các Hoa thị biết ý nguyện đó.

Họ đều thưa:

“Kính tuân lệnh.”

Họ liền bảo các đồng nam ở phía bên tả dùng nhiều dây lụa cột chặt góc bên trái, còn chư Thiên thì thuộc về bên phải, dùng dây lụa cột chặt nơi góc phải của cái giường. Ngoài ra, có vô số chư Thiên ở trên hư không, rải đủ thứ hoa trời, rưới các hương thơm.

Bấy giờ, đại thần Bà-hiền cùng đại thần Câu-di⁴ bàn bạc: Muốn dùng âm nhạc của loài người để ca ngợi, tiếp theo nhạc trời cùng đưa xá-lợi.

“Liền như lời bàn bạc, cả đoàn đi từ từ vào cửa thành phía Đông,

⁴ Bà-hiền đại thần 婆賢大臣, chủ quản thành Pāva. Câu-di đại thần 拘夷大臣, vị quan của thành Kusinārā.

đi khắp trong thành, đến ngã tư đường lớn, dừng chân nơi đường hẻm, rải hương hoa và thổi nhạc, ra khỏi cửa thành phía Tây, đến vùng đất Âu-đồ, lấy lụa kiếp-ba quấn quanh thân thể Đức Phật, dùng năm trăm xấp dạ quấn tiếp theo hơn một ngàn lần, rồi dùng dầu mè dầu thơm để tắm, rưới đầy kim quan, cùng trên nhục thân Phật, khiêng kim quan lên đặt vào trong quách bằng sắt, đẩy kín nắp kim quan, chắt các thứ gỗ hương lên xông, đại thần Âu-tô⁵ bắt đầu châm lửa đốt, lửa mới hừng lên liền tắt ngay đốt tới ba lần vẫn không cháy.”

Hiền giả A-na-luật bảo Hiền giả A-nan:

“Sở dĩ lửa không cháy là do ý của chư Thiên. Họ thấy Hiền giả Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đồ chúng từ Ba-tuần trở về đây, đã đi được nửa đường, muốn về gấp để được thấy mặt cùng đảnh lễ Đức Phật, cho nên đã khiến lửa không cháy.”

Hiền giả A-nan thưa:

“Dạ vâng, xin tôn kính ý nguyện của chư Thiên.

Bấy giờ có đạo sĩ thuộc học phái khác, tên là A-di-duy⁶, thấy Đức Phật diệt độ, ông ta nhặt được cành hoa trời mạn-na-la, ngược đường đi về phía Hiền giả Đại Ca-diếp. Hiền giả Ca-diếp thấy vậy liền đến hỏi:

“Ông có biết Đức Phật là Bạc Thánh Sư mà tôi tôn thờ chẳng?

A-di-duy đáp:

“Tôi biết rõ điều này. Ngài đã Bát-nê-hoàn được bảy ngày. Trời người cùng tụ hội để cúng dường Ngài. Tôi từ chỗ đó đến đây nên có được cành hoa trời này.”

Khi ấy, Hiền giả Ca-diếp buồn bã không vui. Trong số năm trăm vị Tỳ-kheo, nhiều người bồi hồi, rối loạn, ngẩng mặt lên trời than thở:

“Đức Phật Bát-nê-hoàn sao mà nhanh quá! Con mắt của thế gian đã tắt mất rồi!”

Có người thì lo lắng, buồn thương, nghĩ đến nỗi khổ của thế gian do ân ái trói buộc, không thể thấy được chánh đạo.

Hiền giả Ca-diếp bảo:

“Các Hiền giả chớ lo buồn. Nên biết rằng có thân là do duyên khởi, tâm ý luôn tạo tác không dừng nghỉ, đều là vô thường, khổ, có

⁵. Âu-tô đại thần 溷蘇大臣; tham chiếu No.1(2) sđd.: Lộ-di châm lửa.

⁶. A-di-duy 阿夷維; No.1(2), ngoại đạo Ni-kiền Tử.

sanh thì có tử, có tử là do có sanh, ở trong năm đường bất an, chỉ có Nê-hoàn mới là cảnh giới hoàn toàn an lạc. Người chưa đắc đạo, hãy cầu pháp lợi, lìa bỏ mọi nẻo tạo tác của các pháp hữu vi thì sẽ đắc đạo. Tất cả hãy thu gom y bát, đi nhanh thì mới kịp để được nhìn thấy thân sắc của Phật.

Trong chúng này có một Tỳ-kheo tên là Đàn-đầu, cũng thuộc giòng họ Thích, cùng xuất gia theo Phật, nói với các Tỳ-kheo:

“Chuyện gì phải lo lắng như vậy? Chúng ta từ nay được tự do. Ông già ấy thường bảo: ‘Nên làm cái này, không nên làm cái kia.’ Nay ông ta mất rồi há không phải là điều hết sức tốt sao?”

Hiền giả Ca-diếp nghe lời ấy càng buồn bã hơn, nên giục đại chúng mau đến Song thọ để được thấy Phật. Đến nơi, Hiền giả Ca-diếp bảo Hiền giả A-nan:

“Nay chưa trà-tỳ vậy hãy cho tôi thấy thân Đức Phật.”

Hiền giả A-nan thưa:

“Thân của Đức Phật đã được khâm liệm, ướp bằng dầu mè, để trong kim quan, bên ngoài thì chất các thứ gỗ hương, chung quanh thì tẩm dầu, tuy chưa trà-tỳ, nhưng khó có thể thấy được.

Hiền giả Ca-diếp bày tỏ ý muốn của mình đến lần thứ ba, nhưng Hiền giả A-nan vẫn đáp như lúc đầu.

Bấy giờ, nhục thân của Đức Phật từ trong nhiều lớp áo quan lộ ra hai chân. Mọi người đều thấy, ai cũng hết sức vui mừng. Hiền giả Ca-diếp cúi đầu đánh lễ. Thấy trên chân của Đức Phật có màu sắc lạ, liền hỏi Hiền giả A-nan:

“Thân Phật sắc vàng, vậy do có gì mà đổi khác?”

A-nan thưa:

“Có một bà cụ già yếu, cúi lạy nơi chân Đức Phật làm nhỏ nước mắt trên chân Ngài nên mới có màu sắc khác như vậy.”

Hiền giả Đại Ca-diếp lại không vui, cung kính đọc bài tụng:

*Ngài tịch diệt, chẳng sanh
Chẳng còn thọ già, chết
Cũng không còn hội ngộ,
Không có ghét phải gặp
Vốn đã bỏ ân ái,
Chẳng bị buồn biệt ly
Do dốc cầu phương tiện,*

www.daitangkinh.org

Nên đạt được như vậy
Năm ấm Phật thanh tịnh,
Đã đoạn trừ hết thảy
Cũng không còn tạo tác,
Để thọ lại năm ấm.
Khổ đau đã hết rồi,
Gốc hữu cũng trừ sạch
Do dốc cầu phượng tiện,
Mới an lạc như vậy.
Phật đã đoạn thế gian,
Trừ bỏ mọi ái dục
Ngài kham nhẫn tất cả,
Nên lìa các hoạn nạn
Ngài đã đạt an định
Dem an lạc muôn loài.
Phải nên đánh lễ Ngài,
Vĩnh viễn thoát ba cõi.
Kinh giới Phật nói ra,
Tỏa sáng khắp thế gian
Ngài rộng hiện chánh đạo,
Chắc thật, dứt mọi nghi.
Cứu tất cả muôn loài,
Khiến thoát khỏi già chết.
Những người gặp được Phật,
Ai chẳng mang ơn lớn
Như trăng chiếu ban đêm,
Để phá tan bóng tối.
Mặt trời chiếu ban ngày,
Soi sáng mọi nơi chốn.
Cũng như ánh điện chớp,
Mây dày liền rứt sáng.
Hào quang Phật chiếu ra,
Ba cõi cùng tỏ rạng.
Hết thảy sông danh tiếng,
Sông Côn-luân lớn nhất;
Tất cả vùng nước lớn,
Biển cả là hơn hết;

*Trong tất cả tinh tú,
Mặt trăng là sáng nhất;
Phật dẫn dắt chúng sanh,
Trời người đều tôn quý.
Phật cứu độ thế gian,
Phước đức ban rải khắp.
Giới pháp đã thuyết giảng,
Mọi chốn đều phân minh.
Cũng đem pháp lưu bố,
Đệ tử dốc hành trì,
Khiến trời, người, quỷ, thần...
Đều cung kính đánh lễ.*

Hiền giả Đại Ca-diếp đọc kệ xong, đánh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh kim quan ba vòng, rồi đứng qua một bên.

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, Trời, Rồng, Quỷ thần, thần Thiên nhạc, thần Chất-lược, thần Kim-sí điều, thần Ái dục, thần Xà-khu... đều đến trước đánh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh kim quan ba lần, rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, kim quan của Đức Phật không đốt nhưng tự nhiên bốc cháy. Hiền giả A-nan liền đọc bài tụng:

*Phật thanh tịnh trong ngoài,
Là thân của Phạm thế;
Gốc hành hóa thân diệu,
Nên nay mới như vậy.
Hơn ngàn lớp lụa, dạ,
Đâu cần áo che thân,
Cũng không cần giặt giũ,
Như trăng trong sáng ngời.*

Cho đến hết đêm ấy, công việc trà-tỳ nhục thân Phật xong xuôi, thì tự nhiên ở nơi đó mọc lên bốn cây: cây Tô-thiên-ni, cây Ca-duy-đồ, cây A-thế-đề, cây Ni-câu-loại⁷. Các vị Cư sĩ, Lý gia trong nước cùng nhau thu nhặt xá-lợi của Phật đựng đầy nơi bình bằng vàng, đặt trên linh xa, đưa vào thành để trên đại điện, rồi cùng cho tấu kỹ nhạc, rải

⁷. Bốn giống cây Bồ-đề: Tô-thiên-ni 蘇禪尼樹, Ca-duy-đồ 迦維屠樹, A-thế-đề 阿世鞞樹, Ni-câu-loại 尼拘類樹. Xem No.5, bản Việt, cht.59.

hoa, đốt hương, lễ bái cúng dường.

Bấy giờ, các tộc họ Hoa thị của nước Ba-tuần, các Câu-lân của nước Khả Lạc, các Mãn-ly của nước Hữu hoành, các Phạm chí của nước Thần Châu, các Ly-kiền của nước Duy-da,⁸ nghe tin Đức Phật dừng chân ở Song thọ để Bát-nê-hoàn, nên họ đều sửa soạn bốn thứ binh đội là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh cùng kéo đến nước Câu-di, dừng chân nơi ngoài thành, bảo sứ vào thưa:

“Chúng tôi nghe Đức Phật Chúng Hựu diệt độ ở đây. Ngài cũng là Thầy của chúng tôi. Chúng tôi có lòng kính mộ Ngài, đồng đến với vua xin phân chia phần xá-lợi, đem về bản quốc lập bảo tháp cúng dường.”

Vua nước Câu-di bảo:

“Đức Phật tự đến nơi đây, vậy nước tôi sẽ chăm lo việc cúng dường Ngài. Thật là cực khổ cho các vua từ xa tới muốn chia phần xá-lợi, điều đó thì không thể được.”

Các người thuộc dòng họ Thích nước Xích trạch⁹ cũng kéo bốn loại binh, đến nói:

“Chúng tôi nghe Đức Phật Chúng Hựu diệt độ ở đây. Ngài là Bạc Thánh đệ nhất của giòng họ Thích, xuất thân từ bà con, đứng là bậc cha ông của chúng tôi. Chúng tôi có lòng kính mộ, nên đến đây để xin chia phần xá-lợi đem về dựng bảo tháp cúng dường.

Nhà vua nước Câu-di vẫn trả lời như trước, không chịu chia phần.

Vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế lại dẫn bốn loại binh, vượt qua sông lớn để đến, bảo Phạm chí Mao-quê¹⁰ vào để hỏi tin tức, rồi ân cần thưa:

“Tôi lâu nay vốn có lòng tin tưởng vào tình bạn của nhà vua, không bảo thủ, không tranh chấp. Nay Đức Phật Chúng Hựu đã diệt độ

⁸. Tám nước động binh yêu cầu được phần xá-lợi. Đây kể năm nước trước: Hoa thị ở Ba tuần 波旬國, 諸華氏, tức Pāli: dòng họ Mallā chi nhánh Pāvā; người Câu-lân ở Khả lạc, 可樂國, 諸拘鄰; Pāli: người Koli ở thôn Rāmagāma; người Mãn-ly ở Hữu hoành 有衡國, 諸滿離; Pāli: Buli ở Allakappa; các Bà-la-môn ở Thần châu 神州國, 諸梵志; Pāli: những người Bà-la-môn ở Vethadīpaka; người Ly-tiếp ở Duy-da 維耶國, 諸離捷; Pāli: những người Licchavi ở Vesāli.

⁹. Xích trạch quốc chư Thích thị 赤澤國 諸釋氏: những người họ Thích ở Kapilavatthu.

¹⁰. Phạm chí Mao-quê 梵志毛躄; tham chiếu No.1(2), bản Việt, cht.161.

nơi đây. Ngài là Bậc Tôn Quý của ba cõi, chính là Vị Trời của tôi. Tôi luôn có lòng kính mộ nên đến đây để xin chia phần xá-lợi. Nếu nhà vua cho tôi phần xá-lợi của Phật thì hai nước chúng ta nếu có những vật báu gì thì nguyện cùng trao cho nhau để chung hưởng.”

Vua nước Câu-di đáp:

“Đức Phật tự đến đây, tôi sẽ lo việc cúng dường Ngài, xin cảm ơn Đại vương chứ không thể chia phần xá-lợi cho nhà vua được.”

Khi ấy Mao-quệ nhóm mọi người lại, làm bài tụng thông báo:

*Nay những người thành tâm,
Từ xa đến lễ bái;
Xin được chia xá-lợi,
Nếu như vua không cho.
Sự việc ấy động chúng,
Bốn binh chũng sẵn đây;
Nếu không dùng đao nghĩa,
Không tránh khỏi đao binh.*

“Người của nước Câu-di cũng đáp lại bằng bài tụng:

*Phiền các ngài từ xa,
Nhọc sức đến lễ bái;
Phật để thân nơi đây,
Không dám hứa cho ai.
Các vị muốn động binh,
Tôi đây cũng sẵn sàng;
Ta cùng nhau sống chết,
Chưa từng biết sợ ai.*

Phạm chí Mao-quệ giải thích với mọi người:

“Các vua đều vâng theo lời dạy của Đức Phật một cách nghiêm túc; ban ngày thì tụng lời pháp, tâm cảm phục sự giáo hóa nhân từ của Ngài. Tất cả chúng sanh ai cũng nghĩ đến việc muốn được an ổn. Huống chi, Đức Phật vì lòng đại từ nên thiêu hình để lại xá-lợi, muốn rộng làm phước báu cho khắp thiên hạ. Vậy sao lại muốn hủy diệt ý nhân từ của Ngài? Cho nên xá-lợi hiện tại phải được phân chia ra mà thôi.”

Mọi người đều khen là hay, nên cùng đến chỗ đặt xá-lợi, cung kính đánh lễ xong thì đứng qua một bên, rồi bảo Mao-quệ chia xá-lợi. Bấy giờ Mao-quệ lấy một cái bát đá dùng mật xoa bên trong, chia làm

tám phần, rồi thưa với mọi người:

“Tôi đã cung kính Đức Phật và cũng thuận theo ý tốt của mọi người, mong được đem chiếc bát chia xá-lợi này về nước để dựng bảo tháp cúng dường, được chăng?”

Mọi người đều nói:

“Bậc trí tuệ thì nên biết thời.”

Họ liền đồng ý.

Lại có Phạm chí tên là Ôn-vi¹¹, thưa với mọi người:

“Tôi trộm mến ý lành của chư vị, chỉ xin lấy phần than đốt ở dưới đất để đem về dựng bảo tháp cúng dường.”

Mọi người đều đồng ý.

Sau lại có đạo sĩ thuộc học phái khác ở nước Hữu hoành¹² đến xin phần tro còn lại ở dưới đất.

Lúc này tám nước đều được mỗi phần xá-lợi nên đều trở về nước mình để dựng tháp. Những tháp ấy đều trang nghiêm, đẹp đẽ.

Phạm chí Mao-quê, đạo nhân Đại Ôn-vi ở Chủng-ấp trở về ấp Ty-phân, đạo sĩ của nước Hữu hoành, thấy đều được phần tro đất, đều trở về dựng bảo tháp. Tám phần xá-lợi có tám bảo tháp, tháp thờ bát chia xá-lợi là chín, tháp thờ than là mười, tháp thờ tro là mười một.

Đức Phật đản sanh ngày mồng tám tháng tư, xuất gia ngày mồng tám tháng tư, thành đạo ngày mồng tám tháng tư, Bát-nê-hoàn ngày mồng tám tháng tư. Tất cả đều vào tháng sao Phật mọc¹³. Khi ấy trăm thứ hoa cỏ đều xanh tươi, cây cối sầm uất.

Bấy giờ Đức Phật đã Bát-nê-hoàn, ánh sáng của thiên hạ đã mất, chư Thiên, thần khắp mười phương, thấy đều tự quy ngưỡng Phật.

Xá-lợi đã chia rồi, nhưng bốn chúng đệ tử ở phương xa có người chưa được nghe tin, nên phải đợi sau chín mươi ngày mới xây tháp. Các vị Quốc vương đến tham dự, các Lý gia, dân chúng, gia đình quyến thuộc và các hàng nô tỳ đều trai giới trong chín mươi ngày. Bốn chúng đệ tử ở phương xa cùng tụ hội ở Câu-di, đồng hỏi Hiền giả A-nan:

“Nên dựng tháp ở đâu?”

A-nan đáp:

¹¹. Ôn-vi, người ấp Ty-phân; 溫達還俾賁邑; Pāli: người Morya ở Pippalavana.

¹². Hữu hoành, tham chiếu No.1(2), bản Việt, cht.162.

¹³. Phật tinh 佛星; xem No.5, bản Việt, quyển hạ, cht.66.

“Nên ra khỏi thành bốn mươi dặm, đến ngã tư đường của khu đất rộng tạo dựng bảo tháp.”

Các tộc họ phú hào của nước Câu-di cùng nhau dùng ngọc làm ngói, viên ngói bề ngang và rộng ba thước (tấc), tập trung lại dùng để làm tháp, cao và rộng đều mười lăm thước, lấy bát vàng chứa xá-lợi để ngay chính giữa tháp, lập đàn pháp luân, treo cờ phướn trên cao, thấp đèn chưng hoa, đốt hương, ca nhạc, lễ bái cúng dường, để dân chúng trong cả nước đều được tạo lập phước đức.

Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả A-na-luật và chúng Tỳ-kheo cùng nhau hội họp bàn bạc:

“Trong một ngày, ba mươi vạn dân chúng, các quan lại, các tộc họ quyền quý của các nước, khi gặp được Phật, đều hết lòng cung kính, tạo phước, khi chết đều được sanh lên cõi Trời thứ tư, cùng được gặp Di-lặc và được giải thoát. Quốc vương của nước Câu-di sẽ sanh lên trên cõi Trời thứ mười hai là Thủy âm¹⁴, chờ khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật sẽ đầu thai xuống tạo dựng tinh xá cho Đức Phật còn đẹp hơn khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc hiện nay.”

Hiền giả A-nan hỏi Hiền giả Đại Ca-diếp:

“Vua nước Câu-di vì sao không ở chỗ Đức Phật Di-lặc mà mong đạt đạo quả Ứng chơn?”

Đáp:

“Vì vua này chưa nhàm chán cái khổ về sanh tử. Ai không nhàm chán cái khổ của sanh thì không được đạo quả Ứng chơn.”

A-nan thưa:

“Tôi đã nhàm chán cái khổ của thân, sao không được lìa thế gian, không đạt được đạo quả?”

Hiền giả Đại Ca-diếp đáp:

“Vì Hiền giả chỉ trì giới mà không hành quán về thân, vẫn còn ham thích sanh tử, niệm tưởng thức ăn, nên các hành về sanh tử chưa dứt.”

Đến chín mươi ngày, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả A-na-luật và chúng Tỳ-kheo cùng nhau bàn luận:

“Mười hai bộ kinh của Đức Phật có bốn A-hàm, chỉ riêng Hiền giả A-nan là người luôn gần gũi hầu hạ Đức Phật. Đức Phật giảng nói,

¹⁴. Thủy âm thiên 水音天; tức Quang âm thiên, hay Cực quang thiên; Pāli: Ābhassara.

Hiền giả A-nan đều ghi nhớ, vậy chúng ta phải nhờ Hiền giả A-nan tụng đọc để chép lại, nhưng sợ Hiền giả là người chưa đắc đạo nên còn có tâm tham chướng. Chúng ta nên đem việc xưa mà chất vấn Hiền giả A-nan. Vậy hãy cho đặt tòa ngồi cao. Ba lần bước lên, ba lần phải bước xuống. Làm như vậy mới có thể đạt được lời thành thật.”

Mọi người đều cho là hết sức hay.

Đại chúng đã tề tựu đông đủ và ngồi yên, Tỳ-kheo trị sự đuổi A-nan ra ngoài, giậy lát lại thỉnh vào. Hiền giả A-nan đi vào, đánh lễ chúng Tăng. Các Tỳ-kheo chưa đắc đạo thấy thế bèn đứng dậy hết.

Tỳ-kheo trị sự bảo A-nan ngồi nơi tòa cao chính giữa. A-nan nhún nhường từ chối:

“Đây không phải là tòa ngồi của A-nan.”

Chúng Tỳ-kheo nói:

“Do vì kinh Phật, cho nên hãy mời Hiền giả ngồi vào tòa cao để cho chúng Tăng hỏi.”

A-nan ngồi lên ngôi tòa.

Chúng Tăng hỏi:

“Hiền giả có lỗi lớn, vậy có biết chăng? Ngày ấy Đức Phật nói: ‘An vui thay, Diêm-phù-đề! Tại sao Hiền giả không trả lời?’”

Tỳ-kheo trị sự bảo Hiền giả A-nan bước xuống. A-nan bước xuống, rồi trả lời:

“Đức Phật không được tự tại sao mà phải chờ tôi thỉnh cầu?”

Chúng Tăng im lặng, Tỳ-kheo trị sự lại bảo lên tòa. Chúng Tăng lại hỏi:

“Đức Phật nói với Hiền giả, ai đạt được bốn Thần túc thì có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp, tại sao Hiền giả lại làm thính?”

Hiền giả A-nan lại xuống tòa để trả lời:

“Đức Phật nói: Bồ-tát Di-lặc sẽ hạ sanh thành Phật. Người nào mới vào đạo theo ngài Di-lặc để tu tập mà thành. Giả sử Đức Phật tự lưu lại thì Phật Di-lặc sẽ thế nào?”

Tăng chúng lại im lặng. Hiền giả A-nan trong lòng sợ hãi. Chúng Tỳ-kheo nói:

“Hiền giả nên theo đúng như ý của Pháp nói đây đủ về Kinh của Phật.”

Hiền giả đáp:

“Kính vâng.”

Ba lần lên tòa như vậy. Lần sau cùng Hiền giả A-nan lên tòa nói:

“Nghe như vậy, một thời...”

Trong chúng hội có những người chưa đắc đạo đều rơi nước mắt nói:

“Đức Phật vừa mới nói Kinh, nay sao đã vội mất?”

Hiền giả Đại Ca-diếp liền chọn ở trong chúng được bốn mươi vị
Ứng chơn theo Hiền giả A-nan để nghe truyền lại bốn bộ A-hàm:

1. Trung A-hàm.
2. Trường A-hàm.
3. Tăng nhất A-hàm.
4. Tạp A-hàm.

Văn của bốn bộ này là:

1. Vì hàng tham dâm mà giảng nói.
2. Vì hàng mừng giận mà giảng nói.
3. Hàng ngu si mà giảng nói.
4. Vì hàng bất hiếu, không thừa sự mà giảng nói.

Văn của bốn bộ A-hàm, mỗi bộ gồm sáu mươi xấp.

Chúng Tỳ-kheo thưa rằng:

“Hãy nên chép văn bốn bộ A-hàm để phổ biến trong thiên hạ.”

Do vậy, chỗ trà-tỳ Đức Phật tự nhiên mọc lên bốn cây danh mộc.

Tăng chúng liền cùng nhau kiểm điểm, phân biệt

Kinh Phật ra thành mười hai bộ loại: Giới,

Luật, Pháp đầy đủ để lưu lại cả ngàn năm.

Những ai trì kinh giới của Phật về sau đều được sanh chỗ Đức Phật Di-lặc, tu học với Ngài mà được giải thoát sanh tử.

